

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢNG MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO : CỬ NHÂN SƯ PHẠM LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO :
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY
TÊN VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP :

Tiếng Việt: Cử nhân sư phạm Lịch sử - Địa lý

Tiếng Anh: The degree of bachelor History-Geography Teacher Education

THỪA THIÊN HUẾ-2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Các căn cứ.....	1
2. Mô hình đào tạo	2
2.1. Mô hình đào tạo các bậc học của Trường đại học Sư phạm, Đại học Huế....	2
2.2. Mô hình đào tạo của ngành.....	3
II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Mục tiêu đào tạo	4
1.1. Mục tiêu chung	4
1.2. Mục tiêu cụ thể	5
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực	5
2.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.....	8
2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	8
3. Thời gian đào tạo: 4 năm	8
4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 ĐVTC	8
5. Đối tượng tuyển sinh, khối thi	8
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	8
7. Cách thức đánh giá	8
7.1. Thang điểm đánh giá	8
7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm	8
8. Khung chương trình đào tạo	10
9. Kế hoạch đào tạo	35
10. Ma trận mô tả quan hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với học phần	39
11. Điều kiện thực hiện chương trình	44
11.1. Tài liệu học tập	44
11.2. Đội ngũ giảng viên.....	51
11.3. Cơ sở vật chất	52
12. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	59

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2021)

Tên chương trình : Cử nhân sư phạm Lịch sử - Địa lý
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Cử nhân sư phạm Lịch sử - Địa lý (Tiếng Việt)
History – Geography Teacher Education (Tiếng Anh)
Loại hình đào tạo : Chính quy
Tên khoa thực hiện : Lịch sử, Địa lý
Tên gọi văn bằng :
+ **Tiếng Việt:** Cử nhân Sư phạm Lịch sử
+ **Tiếng Anh:** The degree of Bachelor History-Geography Teacher Education
Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các căn cứ

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục (2019); Luật Giáo dục đại học (2012); Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung (Luật số 34/2018/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/11/2018);

- Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 04/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa IX, kì họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 21/11/2005 của Chính phủ về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 hợp nhất Quyết định về quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/04/2015 về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được, sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng thẩm định ban hành CTĐT trình độ đại học;

- Thông tư 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 ban hành Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

- Thông tư số 04/2016/TT- BGDDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

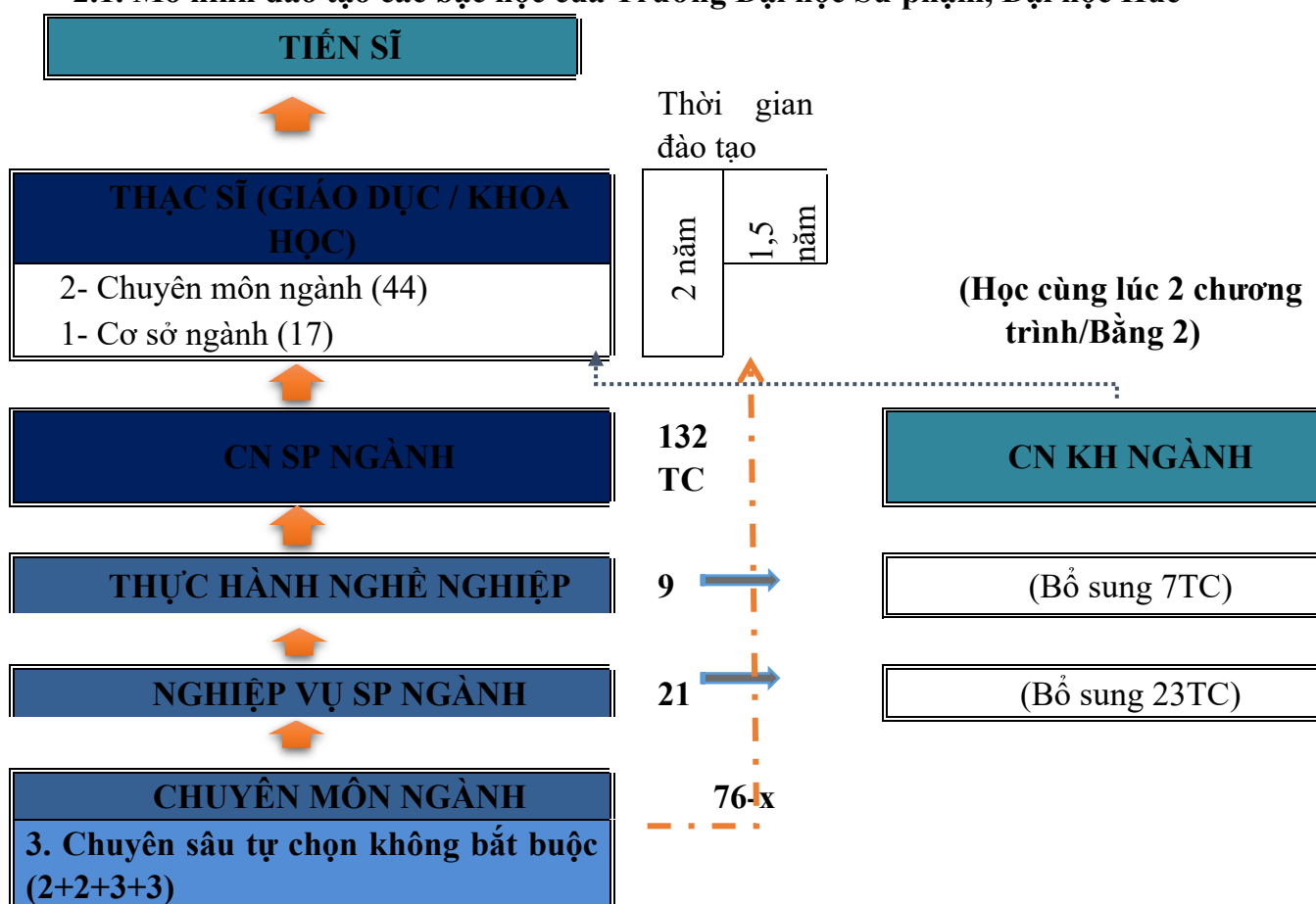
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

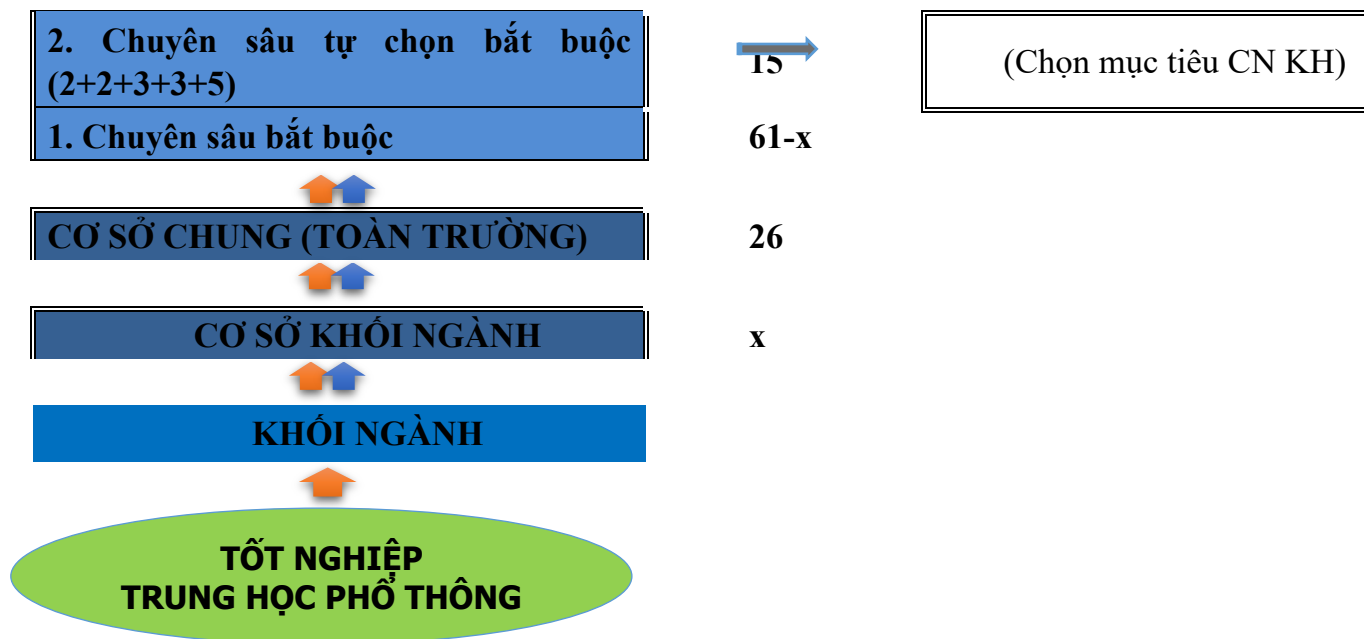
- Tham khảo CTĐT Geography and History của University of Chester - England và khoá học University of leeds của Geography and History.

- Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với ngành sư phạm của nhà trường và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ đại học của các tỉnh, địa phương...

2. Mô hình đào tạo

2.1. Mô hình đào tạo các bậc học của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế





2.2. Mô hình đào tạo của ngành

TIỀN SĨ					
THẠC SĨ (GIÁO DỤC / KHOA HỌC)		Thời gian đào tạo			
2- Chuyên môn ngành (44)		2 năm	1,5 năm		
1- Cơ sở ngành (17)					
CN SP NGÀNH	123			CN KH LỊCH SỬ	(Học cùng lúc 2 chương trình / Bảng 2)
THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	7				Thực tế chuyên môn (7) (2 + 5 hoặc 7)
2- Thực tập sư phạm (5)					
1- Kiến tập sư phạm (2)					
NGHIỆP VỤ SP NGÀNH	23				Bổ sung 23 TC
9- Thực hành dạy học (3)					
8- Hình thức và phương pháp dạy học lịch sử - địa lý (4)					
7- Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý (2)					
6- Đánh giá kết quả giáo dục của HS trong dạy học lịch sử (2)					
5- Phát triển chương trình dạy học bộ môn (2)					
4- Giáo dục học 1, 2 (2+2)					
3- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (2)					
2- Rèn luyện NVSP (2)					
1- Tâm lý học nghề nghiệp (2)					
CHUYÊN MÔN NGÀNH	66				
4- Môi trường không khí và khí hậu (3)					
3- Bản đồ du lịch (2)					
2- Hệ thống thông tin Địa lý (cơ sở thạc sĩ) (2)					
1- Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng (cơ sở thạc sĩ) (3)					
Nhóm 3: Các chuyên đề về địa lý - du lịch và liên thông thạc sĩ địa lý					
4- Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay (2)					
3 - Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay (3)					
2 - Triều Nguyễn và văn hoá Huế (2)					
1 - Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (3)					
Nhóm 2: Các chuyên đề liên thông thạc sĩ lịch sử					
4- Di tích và danh thắng Việt Nam (2)					
3- Văn hoá các dân tộc Việt Nam (3)					
2- Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam (2)					
1- Văn hóa du lịch (3)					
Nhóm 1: Các chuyên đề về lịch sử - du lịch					
3. Chuyên sâu tự chọn không bắt buộc (2+2+3+3)					
3- Địa lý biển Đông (3)					
2- Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (3)					
1- Sử dụng phương tiện DH môn Lịch sử - Địa lý THCS (2)					
b. Tự chọn bắt buộc cuối khóa (5 hoặc 2+3)					
4- Những vấn đề kinh tế học trong địa lý (2)					
3- PPNC khoa học giáo dục trong địa lý (2)					
2- Bản đồ chuyên đề (3)					
1- Cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (3)					
Nhóm 3: Nhóm các chuyên đề liên thông thạc sĩ địa lý					
4- Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử (2)					
3- Cái cách trong lịch sử (3)					
2- Lịch sử ngoại giao Việt Nam (3)					
1- Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực (2)					
Nhóm 2: Nhóm các chuyên đề liên thông thạc sĩ lịch sử					
4- Thực tế lịch sử - địa lý (2)					
3- Giáo dục địa phương (3)					
2- Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai (3)					
1- Địa lý đô thị (2)					
Nhóm 1: Các học phần chuyên sâu					
a. Nhóm các chuyên đề (2+2+3+3)					
2. Chuyên sâu tự chọn bắt buộc (2+2+3+3+5)					
17- Nhân học (2)					
16- Lịch sử Việt Nam hiện đại (4)					
15- Lịch sử Việt Nam cận đại (4)					
14- Lịch sử Việt Nam cổ trung đại (4)					
13- Lịch sử thế giới hiện đại (4)					
12- Lịch sử thế giới cận đại (4)					
10- Lịch sử thế giới cổ trung đại (4)					
9- Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2 (3)					
8- Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1 (3)					
7- Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (3)					
6- Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (3)					
5- Địa lý các châu (4)					
4- Những vấn đề địa lý kinh tế xã hội đại cương (3)					
3- Địa lý tự nhiên đại cương 3 (2)					
2- Địa lý tự nhiên đại cương 2 (2)					
1- Địa lý tự nhiên đại cương 1 (2)					
1. Chuyên sâu bắt buộc					
CƠ SỞ CHUNG (TOÀN TRƯỞNG)	17				
4- Tin học / CC Tin học (2) - CC Ngoại ngữ - CCTC - CCQP					
3- Phương pháp NCKH (2)					
2- Tâm lý học (2)					
1- Các HP lý luận chính trị (11)					
CƠ SỞ KHỐI NGÀNH	10				
4- Lịch sử văn minh thế giới (3)					
3- Cơ sở văn hoá Việt Nam (2)					
2- Địa lý tài nguyên và môi trường (3)					
1- Bản đồ học (2)					
CƠ SỞ KHỐI NGÀNH	10				
4- Lịch sử văn minh thế giới (3)					
3- Cơ sở văn hoá Việt Nam (2)					
2- Địa lý tài nguyên và môi trường (3)					
1- Bản đồ học (2)					
KHỐI NGÀNH					
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG					

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý có phẩm chất chính trị, nhân cách và sức khỏe tốt, có kiến thức và năng lực chuyên môn vững chắc về khoa học lịch sử, địa lý theo hướng tích hợp liên ngành, liên thông lên trình độ cao hơn; có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở THCS, cao đẳng và đại học; có khả năng nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học địa lý và khoa học giáo dục, cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức [PO1]

- PO1.1. Những kiến thức chung về lý luận chính trị, tâm lý, giáo dục học, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và truyền thông.
- PO1.2. Hệ thống kiến thức cơ bản, nâng cao của ngành Lịch sử, Địa lý.
- PO1.3. Hệ thống kiến thức về nghiệp vụ ngành.

1.2.2. Kỹ năng [PO2]

- PO2.1. Kỹ năng nghiên cứu, thực hành giảng dạy môn Lịch sử – Địa lý và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
- PO2.2. Kỹ năng giao tiếp, hợp tác, sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy.
- PO2.3. Kỹ năng tự học, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và tiếp tục học ở bậc học cao hơn, thích ứng với môi trường làm việc, khởi nghiệp.

1.2.3. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp [PO3]

- PO3.1. Phẩm chất cơ bản của nhà giáo trong nhà trường Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu người học, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của nhà giáo.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

PLO1: Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.
- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.
- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

PLO2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính logic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo vệ ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo vệ ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

PLO3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Trình bày được những kiến thức cơ bản thuộc khoa học lịch sử, địa lý và khoa học giáo dục lịch sử, địa lý.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu lịch sử, địa lý.

- Phân tích, đánh giá được các sự kiện, hiện tượng lịch sử và rút ra được các bài học/ kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

- Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lý.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Trình bày rõ cấu trúc và mục tiêu của chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu cập nhật chương trình lịch sử phổ thông.

- Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp để phát triển chương trình đào tạo tiên tiến.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý; khoa học giáo dục trong mối liên hệ với dạy học ở phổ thông và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý trong đánh giá chất lượng dạy học của bản thân và đồng nghiệp.

- Đánh giá, lựa chọn và kết hợp được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý trong việc biên soạn tài liệu dạy - học, thực hiện kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn lịch sử theo yêu cầu của xã hội.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu thuộc khoa học lịch sử, địa lý với nhiều cấp độ, mục tiêu nghiên cứu khác nhau.

- Vận dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành được vấn đề nghiên cứu/ đề tài nghiên cứu.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục lịch sử và vận dụng được trong học tập, tự bồi dưỡng.

PLO4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.
- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.
- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.
- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.
- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

2.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý có khả năng:

- Làm giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý tại các trường Trung học cơ sở.
- Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên môi trường, các dự án dân số, phát triển nông thôn, đô thị hóa...

- Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, địa lý, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch...

2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Lịch sử, Địa lý kinh tế xã hội, Địa lý tự nhiên, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Địa lý.

- Học đại học ngành thứ hai ngành Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý...

3. Thời gian đào tạo:

4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 132 tín chỉ bao gồm mô-đun kiến thức chung, mô-đun kiến thức cơ sở, chuyên ngành (các học phần bắt buộc, học phần tự chọn) và khóa luận (không kể khối kiến thức Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và các học phần tự chọn không bắt buộc).

5. Đối tượng tuyển sinh, khối thi

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Cách thức đánh giá

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

(Theo quy định Công tác học vụ của Trường)

a.Đánh giá điểm quá trình:

- Học phần lý thuyết: có trọng số 40% trong điểm đánh giá học phần.
- Học phần lý thuyết+thực hành: có trọng số 50% trong điểm đánh giá học phần.

TT	Hình thức	Hệ số	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1.	Chuyên cần và thái độ học tập	1	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc.	5
2.	Kiểm tra hoặc bài tập lớn	2	- Có ít nhất 2 bài kiểm tra. Điểm kiểm tra là trung bình cộng của tất cả các bài kiểm tra. - Điểm bài tập lớn thay thế điểm kiểm tra.	
2.1.	Kiểm tra	2	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.	10
2.2.	Thực hành	2	Điểm thực hành là trung bình cộng của các bài thực hành.	10
2.3.	Bài tập lớn	2	Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn.	2
			Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu.	5
			Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong trình bày sản phẩm.	2
			Thể hiện ý tưởng sáng tạo.	1

b. Đánh giá kết thúc học phần:

- Học phần lý thuyết: có trọng số 60% trong điểm đánh giá học phần.
- Học phần lý thuyết+thực hành: có trọng số 50% trong điểm đánh giá học phần.

TT	Hình thức	Trọng số	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
3	Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận	60% hoặc 50%		10
3.1	Thi kết thúc học phần		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	10
3.2	Tiểu luận		Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn.	2
			Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu.	5
			Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong trình bày sản phẩm.	2
			Thể hiện ý tưởng sáng tạo.	1

* **Đối với học phần thực hành:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành, thí nghiệm hoặc viết bài thu hoạch thực tế chuyên môn theo yêu cầu của giảng viên. Điểm của học phần thực hành là trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

8. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
I.	Mô-đun cơ sở chung			26	
1.	POL91133	Triết học Mác - Lê nin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn; góp phần hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng duy vật. Học phần này gồm có 3 chương. Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	(45/0/90)	Lý thuyết
2.	POL91142	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Cung cấp các kiến thức cơ bản về hàng hóa, thị trường, các quy luật kinh tế cơ bản, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường tự do và các vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	(30/0/60)	Lý thuyết
3.	POL91152	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Gồm những kiến thức cơ bản về nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như: dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó giúp người học có khả năng vận dụng	(30/0/60)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			hệ thống tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn; hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và lập trường tư tưởng vững vàng cũng như xây dựng ý thức trách nhiệm công dân.		
4.	POL91202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những kiến thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần gồm 6 chương: Đối tượng, khái niệm, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương 1); Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương 2). Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (Chương 3); về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam (Chương 4); về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế (Chương 5); về văn hóa, đạo đức và con người (Chương 6).	(30/0/60)	Lý thuyết
5.	POL91302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm	(30/0/60)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.		
6.	INF91602	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông). Các chuẩn cụ thể của học phần này được mô tả rõ trong các bảng sau trong thông tư này: a) Mô đun kỹ năng 01 (Mã IU01): Hiểu biết về CNTT cơ bản b) Mô đun kỹ năng 02 (Mã IU02): Sử dụng máy tính cơ bản c) Mô đun kỹ năng 03 (Mã IU03): Xử lý văn bản cơ bản d) Mô đun kỹ năng 04 (Mã IU04): Sử dụng bảng tính cơ bản đ) Mô đun kỹ năng 05 (Mã IU05): Sử dụng trình chiếu cơ bản e) Mô đun kỹ năng 06 (Mã IU06): Sử dụng Internet cơ bản	(15/30/60)	LT+TH
7.	HGE71112	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong môn Lịch sử và hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học trong môn Địa lý.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
8.	TL001012	Tâm lý học	Giúp sinh viên nắm vững được bản chất của tâm lý con người, các quy luật nảy sinh, hình thành và biểu hiện hiện tượng tâm lý đó. Đồng thời tâm lý học cũng cung cấp các kiến thức làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu các chuyên ngành của các khoa học tâm lý cũng như các môn học có liên quan.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
9.	POL91712	Pháp luật đại cương			
10.	LAN91517	Ngoại ngữ		7*	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
11.	PED91715	Giáo dục thể chất		4*	
12.	DEF91810	Giáo dục Quốc phòng-An ninh		165 tiết	
II	Mô-đun cơ sở khối ngành			10 (*)	
13.	HIS73123	Lịch sử văn minh thế giới	Trình bày các nền văn minh chủ yếu của nhân loại từ thời cổ đại cho đến thời hiện đại, từ phương Đông đến phương Tây, thể hiện sự kế thừa, tiếp nhận của nền văn minh sau đối với nền văn minh trước, nhằm làm cho nền văn minh thế giới không ngừng tiến lên phía trước.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
14.	PHI73312	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Học phần gồm có 4 nội dung lớn: Một số vấn đề chung về văn hóa học và điều kiện hình thành văn hoá Việt Nam; Diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; Những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam	2 (30/0/60)	Lý thuyết
15.	GEO73143	Địa lý tài nguyên và môi trường	Hiểu được các vấn đề chung về tài nguyên và môi trường; Trình bày được đặc điểm dân số trên thế giới và ở Việt Nam; Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường; Phân tích được đặc điểm các loại tài nguyên chủ yếu trên Trái Đất; Hiểu được các vấn đề chung về ô nhiễm môi trường; Giải thích được sự ô nhiễm của một số thành phần môi trường chủ yếu; Hiểu được khái niệm, nội dung phát triển bền vững và vấn đề môi trường, PTBV ở các vùng kinh tế - sinh thái cơ bản; Phân tích được những khó khăn, thách thức trong bảo vệ môi trường và PTBV ở trên thế giới và Việt Nam; Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
16.	GEO73152	Bản đồ học	Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản của khoa học bản	2	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			đồ; Vận dụng được những kiến thức về khoa học bản đồ để đọc và hiểu bản đồ địa lí; Có khả năng phân tích các phép chiếu, các loại kí hiệu bản đồ, phương pháp biểu hiện, các nhân tố và các dạng khái quát hóa bản đồ; Có khả năng đánh giá bản đồ để sử dụng; Bước đầu có khả năng thiết kế nội dung và xây dựng bản đồ; Có khả năng sử dụng bản đồ giáo khoa trong dạy học địa lí ở phổ thông (kết hợp với lí luận và phương pháp dạy học địa lí); Có khả năng tiếp cận và hiểu được người học thông qua phát năng lực sử dụng bản đồ; Có kiến thức và kĩ năng nền tảng để học tập và nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực bản đồ học; Có khả năng giao tiếp và hợp tác trong học tập và nghiên cứu.	(30/0/60)	
III	Mô-đun chuyên môn ngành			66	
A	Chuyên sâu bắt buộc			51	
17.	GEO04112	Địa lý tự nhiên đại cương 1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về khoa học Địa lý, Vũ trụ và Hệ Mặt Trời, Trái Đất và Thạch quyển; Giải thích được các hiện tượng xảy ra trong Vũ trụ và Hệ Mặt Trời; Giải thích được các quá trình, hiện tượng xảy ra trên Trái Đất; Vận dụng được những quy luật của tự nhiên vào trong thực tiễn cuộc sống; Khai thác được kiến thức môn học từ các nguồn tư liệu khác nhau: Bản đồ, mạng Internet, băng, đĩa...; Rèn luyện các kỹ năng: phân tích, so sánh, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và kỹ năng liên hệ thực tế; Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp; Đam mê môn học, yêu ngành, yêu nghề.	2 (30/0/60)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
18.	GEO04122	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Nêu được các khái niệm liên quan đến khí quyển, thủy quyển; Hiểu và giải thích các hiện tượng trong khí quyển, thủy quyển; Vận dụng để lý giải hiện tượng tự nhiên trong cuộc sống; Rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp...; Có khả năng tự nghiên cứu, tự đánh giá...	2 (30/0/60)	Lý thuyết
19.	GEO04132	Địa lý tự nhiên đại cương 3	Hiểu và phân tích được các qui luật phân hóa không gian thổ nhưỡng, sinh quyển, cảnh quan trên thế giới; Vận dụng lý thuyết về cảnh quan để phân tích sự phân chia các miền, khu ĐLTXH ở Việt Nam; Vận dụng được kỹ năng vẽ và phân tích các bản đồ thổ nhưỡng, sinh vật và cảnh quan trên thế giới; Kỹ năng nghiên cứu mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, vấn đề tối ưu hóa môi trường địa lý; Năng lực tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập;khả năng hợp tác và làm việc nhóm có hiệu quả.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
20.	GEO04143	Những vấn đề địa lý kinh tế - xã hội đại cương	Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về sự hoàn thiện của ĐLTXH trong quá trình phát triển của khoa học Địa lí, về địa lí nhân văn, về hệ thống không gian của nền kinh tế; Vận dụng được những kiến thức cơ bản để so sánh ĐLTXH và địa lí nhân văn; Có khả năng phân tích quá trình hoàn thiện của ĐLTXH dựa vào đối tượng nghiên cứu và các nhân tố khác, sự giống nhau và khác biệt giữa ĐLTXH và địa lí nhân văn; khả năng đánh giá sự tiến bộ qua các giai đoạn phát triển của ĐLTXH, đánh giá ưu nhược điểm của ĐLTXH và địa lí nhân văn; thiết kế bộ tiêu chí đánh giá tổng hợp khi tiến hành đánh giá đa chỉ tiêu, thiết kế bảng hỏi trong phỏng vấn cấu trúc,	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			thiết kế cấu trúc nội dung trong phòng vấn bản cấu trúc, phi cấu trúc; vận dụng kiến thức về hệ thống không gian của nền kinh tế trong dạy học địa lí ở phổ thông (kết hợp với lí luận và phương pháp dạy học địa lí); tiếp cận và hiểu được người học (học sinh phổ thông) thông qua phát triển năng lực tiếp cận không gian và so sánh địa lí; Có kiến thức và kĩ năng nền tảng để học tập và nghiên cứu sâu hơn trong các lĩnh vực lí luận của khoa học địa lí nói chung và ĐLKTXH nói riêng, trong vấn đề hệ thống không gian của nền kinh tế		
21.	GEO04154	Địa lý các châu	Phân tích được đặc điểm các điều kiện tự nhiên và mối quan hệ giữa các nhân tố hình thành tự nhiên, các điều kiện tự nhiên của các châu (Âu, Á, Phi, Mỹ và châu Đại Dương) và ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến phát triển KT-XH; Phân tích được các đặc điểm kinh tế - xã hội của các châu và nghiên cứu điển hình sự phát triển của một số quốc gia nổi bật ở các châu.	4 (60/0/120)	Lý thuyết
22.	GEO04163	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	Hiểu và phân tích được các đặc điểm và qui luật phân hóa không gian của các thành phần ĐLTN ở Việt Nam; Vận dụng lý thuyết về phân vùng để phân tích sự phân hóa của các thành phần ĐLTN ở Việt Nam; Vận dụng được kĩ năng vẽ và phân tích các bản đồ các thành phần ĐLTN Việt Nam; Kĩ năng nghiên cứu các vấn đề về sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường tự nhiên; Rèn luyện và phát triển kĩ năng tư duy và lập luận trong học tập môn ĐLTN Việt Nam 1; Có năng lực tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; Có khả năng hợp tác và	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			làm việc nhóm có hiệu quả.		
23.	GEO04173	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	Hiểu và phân tích được các qui luật phân hóa không gian trong phân vùng ĐLTN ở Việt Nam; Vận dụng lý thuyết về phân vùng để phân tích sự phân chia các miền, khu ĐLTN ở Việt Nam; Vận dụng được kỹ năng vẽ và phân tích các bản đồ phân vùng ĐLTN Việt Nam; Có kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường tự nhiên ở các khu, miền địa lý tự nhiên ở Việt Nam; Rèn luyện và phát triển kỹ năng tư duy và lập luận trong học tập môn ĐLTN Việt Nam 2; Có năng lực tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; Có khả năng hợp tác và làm việc nhóm có hiệu quả.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
24.	GEO04183	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	Trình bày được đặc điểm chung của tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, địa lý dân cư và các ngành kinh tế chủ yếu của Việt Nam; Nghiên cứu quy luật, chiến lược phát triển, quá trình thay đổi nền kinh tế Việt Nam theo các hình thức tổ chức lãnh thổ nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; Vận dụng so sánh sự phát triển của các ngành kinh tế với các nước trong khu vực Đông Nam Á trong xu thế hội nhập; Kỹ năng trình bày, thông hiểu các vấn đề về đặc điểm tự nhiên, dân cư và các ngành kinh tế của Việt Nam; kỹ năng phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các đặc điểm tự nhiên, dân cư đến sự phát triển vận hành nền kinh tế Việt Nam theo ngành, nhóm ngành. Phân tích vai trò, đặc điểm, cơ cấu, quá trình phát triển của các ngành kinh tế của Việt Nam; Vận dụng kiến thức đã học trong giảng dạy môn Địa lý THCS, THPT; Nhận xét, lý giải so sánh về đặc	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			điểm tự nhiên, dân cư, cơ cấu kinh tế theo ngành, lãnh thổ, thành phần kinh tế với các nước trong khu vực Đông Nam Á; Có khả năng tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; tự tin trình bày quan điểm và những kết quả học tập, nghiên cứu; Có khả năng lập kế hoạch làm việc; Có năng lực đánh giá và tự đánh giá kết quả công việc.		
25.	GEO04193	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2	Hiểu biết được các khái niệm liên quan đến tổ chức không gian lãnh thổ nền kinh tế như vùng kinh tế, hành lang kinh tế,...; Nhận thức được các nguồn lực phát triển các vùng kinh tế của Việt Nam; Hình thành được kỹ năng phân tích đánh giá các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của mỗi vùng; Nắm rõ được tình hình phát triển kinh tế của các vùng; Đánh giá tính hợp lý về cơ cấu ngành và phân bố kinh tế, đề xuất được các định hướng tổ chức phát triển kinh tế của vùng; Phân tích được vị trí vai trò của các trung tâm kinh tế, các hành lang kinh tế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng; Trình bày những thuận lợi và khó khăn chủ yếu trong phát triển kinh tế xã hội của vùng. Phân tích được các phương hướng khai thác và sử dụng hợp lý các thế mạnh chủ yếu của mỗi vùng; Khả năng tích lũy được kinh nghiệm sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường phát triển kinh tế góp phần nghiên cứu giải quyết các vấn đề của địa phương mình; Có kỹ năng vận dụng và cập nhật kiến thức địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam hiện đại trong dạy học môn Địa lý ở THCS và THPT; Có khả năng tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; tự tin trình bày quan điểm và những kết quả học tập,	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			nghiên cứu; Có khả năng lập kế hoạch làm việc; Có năng lực đánh giá và tự đánh giá kết quả công việc.		
26.	HIS04214	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: - Xã hội loài người dưới chế độ cộng sản nguyên thủy; - Sự hình thành và phát triển của các quốc gia cổ đại phương Đông (Ai Cập cổ đại, Lưỡng Hà cổ đại, Ấn Độ cổ đại và Trung Quốc cổ đại); - Sự ra đời và phát triển của các quốc gia cổ đại phương Tây (Hy Lạp cổ đại, La Mã cổ đại) - Quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông (Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á) - Tây Âu thời thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại.	4 (60/0/120)	Lý thuyết
27.	HIS04224	Lịch sử thế giới cận đại	Học phần đề cập đến những vấn đề chính sau: - Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới. Những chuyển biến của chủ nghĩa tư bản Âu - Mỹ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. - Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. - Quá trình xâm chiếm thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á - Phi - Mỹ Latinh.	4 (60/0/120)	Lý thuyết
28.	HIS04234	Lịch sử thế giới hiện	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức	4	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
		đại	cơ bản về: - Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu; - Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản thông qua các nước tư bản chủ yếu ở châu Âu, Bắc Mỹ và Nhật Bản từ 1918 đến nay; - Quá trình vận động và phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay; - Quan hệ quốc tế thời kỳ hiện đại (1918 - nay); - Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại và xu thế toàn cầu hóa.	(60/0/120)	
29.	HIS04244	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Học phần bao gồm chương mở đầu giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam để làm tiền đề trước khi đi vào nghiên cứu tiến trình lịch sử Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm 21 chương cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản, hệ thống và toàn diện về tiến trình lịch sử trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, đối ngoại, kinh tế, xã hội, văn hóa của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến hết thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ.	4 (60/0/120)	Lý thuyết
30.	HIS04254	Lịch sử Việt Nam cận đại	Học phần gồm các kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ khi Pháp xâm lược đến Cách mạng tháng Tám 1945; cụ thể: Việt Nam trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp; phong trào kháng chiến chống Pháp cuối thế kỷ XIX; tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phong trào dân tộc dân chủ theo	4 (60/0/120)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			khuyň hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX; tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phong trào dân tộc dân chủ từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến 1929; tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và phong trào cách mạng Việt Nam theo khuyň hướng vô sản từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập đến Cách mạng tháng Tám thắng lợi.		
31.	HIS04264	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Trình bày tiến trình lịch sử Việt Nam hiện đại qua các thời kì: kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) và thời kì xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công cuộc đổi mới phát triển đất nước.	4 (60/0/120)	Lý thuyết
32.	HIS04272	Nhân học	Nhân học, hiểu theo nghĩa rộng nhất, là ngành học nghiên cứu tổng hợp về bản chất con người, xã hội loài người trên các phương diện sinh học, xã hội, văn hoá của các cộng đồng dân tộc khác nhau, cả về quá khứ và hiện tại. Với thời lượng 2 tín chỉ, môn Nhân học đại cương sẽ được tập trung nhấn mạnh đến những nội dung: <i>Những vấn đề chung của Nhân học; Nguồn gốc và sự tiến hóa loài người về sinh học và văn hóa; Tộc người và những quá trình tộc người; Văn hóa; ngôn ngữ và nhân học ứng dụng.</i>	2 (30/0/60)	Lý thuyết
B	Chuyên sâu tự chọn bắt buộc			15	
	Nhóm các chuyên đề (Tự chọn 1 trong 3 nhóm)				
	Nhóm 1: Các học phần chuyên sâu				
33.	GEO84112	Địa lý đô thị	Hiểu, giải thích, tìm ra nguyên nhân hình thành đô thị; So sánh quá trình đô thị hóa ở các nước phát triển và đang phát triển; Phân tích mối liên hệ giữa quá trình đô thị hóa với các hoạt	2 (30/0/60)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			động kinh tế, dân cư; Phân tích, đánh giá hệ thống lý luận, nguyên tắc tổ chức qui hoạch không gian đô thị; Vận dụng trong việc lý giải quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, so sánh với các nước trong khu vực Đông Nam Á; Vận dụng giảng dạy địa lý THCS (lớp 7,8,9), THPT (lớp 10, 11,12); Tự học, tự nghiên cứu, tự đánh giá khả năng, kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập.		
34.	GEO84123	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	Nêu được các khái niệm liên quan đến biến đổi khí hậu; Hiểu và giải thích nguyên nhân gây biến đổi khí hậu; Phân tích tác động của biến đổi khí hậu và đề xuất giải pháp...; Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá...; Có năng lực tự học, tự lập kế hoạch, tự đánh giá...	3 (45/0/90)	Lý thuyết
35.	HGE84113	Giáo dục địa phương	Nội dung học phần giới thiệu cho sinh viên khái niệm về vị trí, vai trò của nội dung giáo dục của địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông (2018), cũng như các hình thức, biện pháp dạy học nội dung giáo dục địa phương.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
36.	HGE84122	Thực tế lịch sử - địa lý	SV vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện các nhiệm vụ tham quan, thực địa và viết báo cáo thu hoạch kết quả điều tra, khảo sát, tìm hiểu các vấn đề lịch sử, thành phần địa lý tự nhiên và cảnh quan địa lý trên thực địa.	2 (45/0/60)	Thực hành
Nhóm 2: Các học phần liên thông thạc sĩ Lịch sử					
37.	HIS84212	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	Học phần có 2 chương đề cập đến các nội dung: Cơ sở của việc tích hợp - phân hóa trong dạy học lịch sử; Những nội dung của	2 (30/0/60)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			các khoa học khác tích hợp - phân hóa trong dạy học lịch sử; Nguyên tắc và biện pháp thực hiện tích hợp - phân hóa; phương pháp dạy học phân hóa trong dạy học lịch sử.		
38.	HIS84223	Cải cách trong lịch sử	Trình bày, làm rõ các cuộc cải tiêu biểu trong tiến trình lịch sử thế giới và Việt Nam. Thông qua việc phác dựng bối cảnh, nội dung, ý nghĩa và bài học lịch sử, học phần làm rõ thêm những mô hình xây dựng, chấn hưng đất nước trong những điều kiện khác nhau. Mặt khác, nội dung chuyên đề cũng nhấn mạnh tới việc so sánh các cuộc cải cách theo hướng đồng đại và lịch đại. Những cuộc cải cách của Việt Nam cũng được xâu chuỗi vào trong nội dung nhằm thấy được xu thế vận động của đất nước trong tiến trình lịch sử nhân loại.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
39.	HIS84233	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối đối ngoại của các thể chế ở Việt Nam trong bang giao với các nước trong khu vực và trên thế giới; phương thức tiến hành các mối bang giao đó và những kết quả đạt được qua từng thời kì, nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, xây dựng và phát triển đất nước.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
40.	HIS84242	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	Trình bày nhận thức chung về tiếp xúc văn hóa giữa Ấn Độ, Trung Quốc và các nước trong khu vực (khái niệm, cơ sở, con đường, diễn trình lịch sử ...); quá trình hình thành và phát triển các mối quan hệ giao lưu tiếp xúc trong lịch sử; các thành tựu đạt được trên các lĩnh vực chữ viết, nhà nước và pháp luật, tư tưởng và tôn giáo, giáo dục và khoa cử văn học và nghệ thuật...	2 (30/0/60)	Lý thuyết
Nhóm 3: Các học phần liên thông thạc sĩ Địa lý					

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
41.	GEO84312	Những vấn đề kinh tế học trong địa lý	Hiểu biết các khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Kinh tế học; Hiểu biết được các yếu tố sản xuất, đường giới hạn khả năng sản xuất; Phân tích được ba vấn đề kinh tế cơ bản và cách thức giải quyết của các nền kinh tế khác nhau; Phân tích được các vấn đề kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô; Vận dụng được kiến thức cơ bản vào nghiên cứu các vấn đề kinh tế xã hội có hiệu quả; Rèn luyện kỹ năng phân tích mối quan hệ không gian và quan hệ nhân quả, phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn, kỹ năng sử dụng các công cụ như bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ; Có khả năng tự học, nghiên cứu, làm việc độc lập và hợp tác theo nhóm; tự tin trình bày ý kiến và những kết quả học tập, nghiên cứu.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
42.	GEO84322	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lý	Trình bày được những vấn đề chung của phương pháp nghiên cứu khoa học; Trình bày khái niệm, đặc điểm, loại hình nghiên cứu khoa học; Xác định được các yêu cầu và vận dụng đặt tên cho đề tài khoa học; Trình bày được các quan điểm và phương pháp nghiên cứu khoa học; Trình bày được logic tiến trình nghiên cứu khoa học và vận dụng được vào triển khai trong thực tế; Trình bày được logic nội dung công trình khoa học và vận dụng được vào triển khai trong thực tế; Vận dụng lập được một đề cương nghiên cứu khoa học; Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất nghề nghiệp.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
43.	GEO84333	Bản đồ chuyên đề	Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về bản đồ chuyên đề; Vận dụng được những kiến thức về bản đồ học và bản đồ chuyên đề để đọc và hiểu các bản đồ chuyên đề; Có khả năng	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			phân tích các yếu tố toán học, yếu tố nội dung, yếu tố phụ trợ và mức độ khái quát hóa trên các bản đồ chuyên đề; Có khả năng đánh giá các bản đồ chuyên đề để sử dụng; Bước đầu có khả năng thiết kế nội dung và xây dựng bản đồ chuyên đề; Có khả năng sử dụng bản đồ chuyên đề trong nghiên cứu và tự học; Có khả năng tiếp cận và hiểu được người học, người dùng bản đồ thông qua phát năng lực sử dụng bản đồ; Có kiến thức và kỹ năng nền tảng để học tập và nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực bản đồ học và bản đồ chuyên đề; Có khả năng giao tiếp và hợp tác trong học tập và nghiên cứu.		
44.	GEO84343	Cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Nêu được các khái niệm liên quan đến tài nguyên, môi trường...; Hiểu vai trò của tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; Vận dụng khai thác hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp...	3 (45/0/90)	Lý thuyết
Khoá luận/Học phần thay thế khoá luận					
45.	GEO84413	Địa lý biển Đông	Hiểu và phân tích được các đặc điểm và qui luật phân hóa không gian của các thành phần địa lý Biển Đông; Vận dụng lý thuyết về phân vùng để phân tích sự phân hóa của các thành phần địa lý Biển Đông; Vận dụng được kỹ năng vẽ và phân tích các bản đồ các thành phần địa lý Biển Đông; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường tự nhiên Biển Đông; Năng lực tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; khả năng hợp tác và làm việc nhóm có hiệu quả.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
46.	HIS84423	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về biển đảo Việt Nam trên các phương diện: biển đảo trong lịch sử dựng	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
		biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	nước và giữ nước; quá trình xác lập, thực thi chủ quyền biển đảo của các triều đại phong kiến; nguồn sử liệu về chủ quyền biển đảo thời phong kiến; và cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên biển Đông trong thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI.		
47.	HGE84432	Sử dụng phương tiện dạy học môn Lịch sử - Địa lý THCS	Học phần gồm 3 chương đề cập đến các nội dung: Khái niệm, phân loại phương tiện trực quan và định hướng sử dụng các phương tiện trực quan trong dạy học môn Lịch sử và Địa lý THCS; những yêu cầu khi lựa chọn và sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học Lịch sử - Địa lý và ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử - Địa lý.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
C	Chuyên sâu tự chọn không bắt buộc				
	Nhóm 1: Các chuyên đề về lịch sử - du lịch				
48.	HIS84513	Văn hóa du lịch	Học phần gồm có 4 nội dung lớn: Những vấn đề chung về văn hóa và du lịch; Những nội dung cơ bản của văn hóa và du lịch; Khai thác những giá trị văn hóa trong hoạt động kinh doanh du lịch; Các sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của Việt Nam.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
49.	HIS84522	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	Hình thành tri thức lịch sử tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam cho sinh viên thông qua rèn luyện các năng lực nhận thức lịch sử văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, từ đó hình thành ở sinh viên những năng lực chung, năng lực nghề nghiệp đặc biệt là năng lực chuyên môn, tạo cho sinh viên có đủ điều kiện để dạy học, nghiên cứu và tham gia các hoạt động xã hội có liên quan về vấn đề lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
50.	HIS84533	Văn hoá các dân tộc	Môn học sẽ cung cấp cho người học các kiến thức từ tên gọi,	3	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
		Việt Nam	nguồn gốc lịch sử, địa bàn cư trú, các đặc trưng văn hoá vật chất, tinh thần của các dân tộc kể cả dân tộc đa số và 53 thành phần dân tộc anh em đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Từ đó, giúp người học nhận thức được mặt tích cực và hạn chế của quá trình biến đổi văn hoá truyền thống các dân tộc và tìm ra được giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập.	(45/0/90)	
51.	HIS84542	Các cuộc phát kiến địa lý	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về nguyên nhân, tiền đề, các cuộc phát kiến địa lí tiêu biểu và hệ quả của nó đối với nhân loại.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
Nhóm 2: Các chuyên đề liên thông thạc sĩ lịch sử					
52.	HIS84613	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	Gồm các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam từ khi hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam đến hiện nay cụ thể: Nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn hình thành cho đến đầu thế kỷ X; Nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn phong kiến độc lập tự chủ (thế kỷ X - XIX); chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc (1884 - 1945) và nhà nước và pháp luật Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.	3 (45/0/90)	Lý thuyết
53.	HIS84622	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, chọn lọc và nâng cao về triều Nguyễn và văn hóa Huế cùng phương pháp tiếp cận năng lực, người học có đủ khả năng để giải quyết những vấn đề có liên quan đến triều Nguyễn và văn hóa Huế.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
54.	HIS84633	Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay	Học phần trình bày về quá trình hiện đại hoá đất nước Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1935 - 1945) đến ngày nay. Vốn là nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai,	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			Nhật Bản đã từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, cải cách đất nước, vươn lên trở thành siêu cường thứ hai thế giới (sau Mỹ) vào thập niên 70 của thế kỷ XX mà lịch sử gọi đây là “sự thần kỳ Nhật Bản”.		
55.	HIS84642	Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thập niên đầu Trung Quốc xây dựng chế độ mới (1949 - 1959); Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của Trung Quốc trong hai thập niên không ổn định (1959 - 1978); Các giai đoạn phát triển trong tiến trình cải cách, mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay; Mục tiêu chiến lược “xây dựng toàn diện xã hội khá giả” và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, chính sách đối ngoại của Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
Nhóm 3: Các chuyên đề về địa lý - du lịch và liên thông thạc sĩ địa lý					
56.	GEO84713	Môi trường không khí và khí hậu	Nêu được các khái niệm liên quan đến môi trường không khí và khí hậu; Hiểu và giải thích các hiện tượng trong không khí và khí hậu; Vận dụng để lý giải hiện tượng tự nhiên trong cuộc sống; Rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp...	3 (45/0/90)	Lý thuyết
57.	GEO84722	Bản đồ du lịch	Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về bản đồ du lịch; Vận dụng được những kiến thức về bản đồ học và bản đồ du lịch để đọc và hiểu các bản đồ du lịch; Có khả năng phân tích các yếu tố toán học, yếu tố nội dung, yếu tố phụ trợ và mức độ khái quát hóa trên các bản đồ du lịch; Có khả năng đánh giá các bản đồ du lịch để sử dụng; Bước đầu có khả năng thiết kế nội dung và xây dựng bản đồ du lịch; Có khả năng sử dụng bản	2 (30/0/60)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			đồ du lịch trong nghiên cứu và tự học; Có khả năng tiếp cận và hiểu được người học, người dùng bản đồ thông qua phát năng lực sử dụng bản đồ; Có kiến thức và kỹ năng nền tảng để học tập và nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực bản đồ học và bản đồ du lịch; Có khả năng giao tiếp và hợp tác trong học tập và nghiên cứu.		
58.	GEO84732	Hệ thống thông tin Địa lý (cơ sở thạc sĩ)	Hiểu biết các khái niệm liên quan đến hệ thống thông tin địa lý (GIS), những nhân tố ảnh hưởng và quá trình phát triển; Phân tích, giải thích, trình bày được vai trò của các hợp phần trong hệ thống thông tin địa lý; Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển và những ứng dụng của GIS; Bước đầu vận dụng được những kiến thức cơ bản của GIS vào việc xây dựng dữ liệu GIS và phân tích dữ liệu GIS phục vụ một số mục đích; Phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; Rèn luyện và phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý; Phân tích mối quan hệ không gian các sự vật, hiện tượng bằng hệ thống thông tin địa lý; Xây dựng bản đồ bằng phần mềm Mapinfo phục vụ học tập, nghiên cứu và giảng dạy địa lý ở trường phổ thông; Hiểu và thực hiện đúng các quy định của trường và yêu cầu của môn học; Tôn trọng và hợp tác với các sinh viên khác trong quá trình học tập; Có khả năng tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; tự tin trình bày ý kiến và những kết quả học tập, nghiên cứu; Có khả năng lập kế hoạch làm việc; Có năng lực đánh giá và tự đánh giá kết quả công việc.	2 (30/0/60)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
59.	GEO84743	Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng (cơ sở thực tiễn)	Nêu được các khái niệm cơ bản về thích ứng với biến đổi khí hậu; Hiểu và giải thích nguyên nhân gây biến đổi khí hậu, vai trò của quốc tế và Việt Nam...; Phân tích, đánh giá tính dễ bị tổn thương và đề xuất giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu...; Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá...	3 (45/0/90)	Lý thuyết
IV	Mô-đun nghiệp vụ ngành				
A	Nghiệp vụ bắt buộc			21	
60.	TL001022	Tâm lý học nghề nghiệp	giúp sinh viên nắm được đặc điểm tâm lý của học sinh, đặc điểm tâm lý hoạt động dạy học, giáo dục và đặc điểm tâm lý học nhân cách người giáo viên. Trong học phần này gồm 5 chương. Chương 1: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Chương 2: Tâm lý học lứa tuổi học sinh; Chương 3: Cơ sở tâm lý của hoạt động học dạy học và giáo dục; Chương 4: Tâm lý học nhân cách người giáo viên. Ngoài ra học phần này còn một số bài tập thực hành giúp người học vận dụng kiến thức đã học để phân tích, lý giải về tâm lý lứa tuổi học sinh cũng như tâm lý của hoạt động dạy học, giáo dục	2 (30/0/60)	Lý thuyết
61.	HGE92112	Rèn luyện nghiệp vụ	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là học phần thực hành rèn luyện các kỹ năng: thuyết trình; trình bày bảng và tổ chức các hoạt động dạy học. Thông qua môn học, SV bước đầu hình thành được năng lực dạy học cơ bản đặc biệt là năng lực sử dụng ngôn ngữ, ngôn ngữ đặc thù bộ môn, bước đầu có những hiểu biết về công việc của người giáo viên, về những năng lực của người giáo viên ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.	2 (0/60/120)	Thực hành

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
62.	HGE92122	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Học phần nghiên cứu lý luận và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm. Học xong học phần này, người học có thể hiểu khái niệm, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm; Xác định được hình thức, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hình thành kỹ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm. Đồng thời hình thành và phát triển kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm.	2 (10/20/120)	Thực hành
63.	HGE92132	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Nội dung của Học phần gồm các vấn đề sau: - Mục đích, ý nghĩa, những yêu cầu sư phạm đối với việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục HS. - Các khái niệm: kiểm tra, đo lường, lượng giá và đánh giá trong GD. - Kỹ thuật và các phương pháp đánh giá kết quả giáo dục học sinh: quan sát, vấn đáp, tự luận, trình diễn, tự đánh giá, trắc nghiệm...	2 (15/15/50)	Lý thuyết
64.	HGE92142	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	Học phần Phát triển chương trình dạy học bộ môn bao gồm hai phần: Phần 1: Những vấn đề chung về phát triển chương trình - Các khái niệm cơ bản về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục - Quy trình phát triển chương trình giáo dục Phần 2: Phân tích chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS (2018).	2 (30/0/60)	Lý thuyết
65.	TL001032	Giáo dục học 1	Cung cấp cho sinh viên sư phạm hệ thống tri thức và kỹ năng	2	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			cơ bản về giáo dục, Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung cho việc nghiên cứu Giáo dục học và khối kiến thức về lý luận dạy học và lý luận giáo dục	(30/0/60)	
66.	TL001042	Giáo dục học 2	Cung cấp cho sinh viên các khoa cơ bản ngành Sư phạm hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà trường phổ thông trung học, người giáo viên phổ thông trung học và công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông trung học theo hướng tiếp cận các quan điểm đổi mới giáo dục hiện nay và tiếp cận phát triển năng lực của người học, giúp sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong quá trình nghiên cứu, học tập. Trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận vào thực tiễn giáo dục trong các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác, đồng thời hình thành thái độ tích cực học tập, nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục, vận dụng lý thuyết giáo dục vào thực tiễn trường học, góp phần nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên tương lai.	2 (30/0/60)	Lý thuyết
67.	HGE72153	Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý	Học phần Lý luận dạy học môn Lịch sử - Địa lí THCS trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về lý luận dạy học Lịch sử - Địa lí bao gồm: - Các đặc điểm của môn Lịch sử - Địa ở THCS - Các nguyên tắc dạy học và phát triển phẩm chất năng lực qua môn Lịch sử Địa lí THCS cho HS. - Các hình thức và phương pháp dạy học phát huy phẩm chất năng lực môn Lịch sử - Địa lí - Các phương tiện dạy học môn Lịch sử - Địa lí	3 (45/0/90)	Lý thuyết

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
			- Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí .		
68.	HGE72164	Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý	Học phần đề cập đến các nội dung: Khái niệm, phân loại phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và hệ thống phương pháp dạy học lịch sử, địa lý, thiết kế kế hoạch bài dạy..., từ đó hình thành và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.	4 (*) (60/0/120)	Lý thuyết
B.	Nghị quyết vụ tự chọn không bắt buộc				
69.	HGE91702	Kỹ năng khởi nghiệp và sáng tạo		2 (30/0/60)	Lý thuyết
70.	PHI03452	Tiếng Việt thực hành		2 (30/0/60)	Lý thuyết
71.	POL03222	Đạo đức nghề sư phạm		2 (30/0/60)	Lý thuyết
V	Thực hành nghề nghiệp			9	
72.	HGE72172	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Nội dung học phần tập trung vào thực hành các nhiệm vụ dạy học cơ bản như: thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy và thực hành dạy học.	2 (16/44/120)	Thực hành
73.	HUC92252	Thực tập sư phạm 1	- Tìm hiểu về quy chế hoạt động thực tiễn của một trường phổ thông cũng như hoạt động của tổ chuyên môn. - Hình thành năng lực phân tích các điều kiện có ảnh hưởng đến quá trình dạy học bộ môn. - Thiết kế bài dạy bộ môn theo đạt yêu cầu theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	2	Thực hành

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/TH /tự học)	Tính chất HP
74.	HUC92285	Thực tập sư phạm 2	- Vận dụng thành thạo những tri thức khoa học chuyên ngành và tri thức giáo dục được trang bị ở trường đại học vào hoạt động giáo dục thực tiễn ở trường thực tập. - Rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học; kế hoạch giáo dục cá nhân; kế hoạch dự giờ; chương trình hoạt động giáo dục... theo học kì/năm học. - Thực hành giảng dạy và tham gia trực tiếp thực hiện vai trò của giáo viên chủ nhiệm.	5	Thực hành
	Tổng số tín chỉ toàn khóa			132	

9. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I.	Mô-đun kiến thức chung		26													
1.	POL91133	Triết học Mác-Lê nin	3	1		LT			3							
2.	POL91142	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2	1		LT				2						
3.	POL91152	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1		LT				2						
4.	POL91202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1		LT					2					
5.	POL91302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1		LT						2				
6.	INF91402	Tin học đại cương	2	1		LT+TH			2							
7.	HUC71112	Phương pháp NCKH	2	1		LT				2						
8.	TL001012	Tâm lý học	2	1		LT				2						
9.	POL91712	Pháp luật đại cương	2	1		LT				2						
10.	LAN91517	Ngoại ngữ	7	1					2	2	3					
11.	PED91714	Giáo dục thể chất	4*	1												
12.	DEF91810	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	165t	1												
II	Mô-đun cơ sở khối ngành		10													
13.	HIS73123	Lịch sử văn minh thế giới	3	1		LT	HIS04234							3		
14.	HIS73312	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	1		LT			2							
15.	GEO73143	Địa lý tài nguyên và môi trường	3	1		LT			3							
16.	GEO73152	Bản đồ học	2	1		LT				2						
III	Mô-đun chuyên môn ngành		66													
A	Chuyên sâu bắt buộc		51	1												
17.	GEO04112	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	1		LT			2							
18.	GEO04122	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	1		LT	GEO04112			2						
19.	GEO04132	Địa lý tự nhiên đại cương 3	2	1		LT	GEO04122				2					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
20.	GEO04143	Những vấn đề địa lý kinh tế xã hội đại cương	3	1		LT					3					
21.	GEO04154	Địa lý các châu	4	1		LT						4				
22.	GEO04163	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	3	1		LT						3				
23.	GEO04173	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	3	1		LT	GEO04163						3			
24.	GEO04183	Địa lý kinh tế- xã hội Việt Nam 1	3	1		LT	GEO04143							3		
25.	GEO04193	Địa lý kinh tế- xã hội Việt Nam 2	3	1		LT	GEO04183								3	
26.	HIS04214	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	1		LT			4							
27.	HIS04224	Lịch sử thế giới cận đại	4	1		LT	HIS04214				4					
28.	HIS04234	Lịch sử thế giới hiện đại	4	1		LT	HIS04224						4			
29.	HIS04244	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	1		LT				4						
30.	HIS04254	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	1		LT	HIS04244					4				
31.	HIS04264	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	1		LT	HIS04254						4			
32.	HIS04272	Nhân học	2	1		LT								2		
B	Chuyên sâu tự chọn bắt buộc		15													
	Nhóm các chuyên đề (Tự chọn 1 trong 2 nhóm)															
	Nhóm 1: Các học phần chuyên sâu															
33.	GEO84112	Địa lý đô thị	2		2	LT									2	
34.	GEO84123	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	3		2	LT									3	
35.	HGE84113	Giáo dục địa phương	3		2	LT									3	
36.	HGE84122	Thực tế lịch sử - địa lý	2		2	TH									2	
	Nhóm 2: Các học phần liên thông thạc sĩ Lịch sử															
37.	HIS84212	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	2		2	LT									2	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
38.	HIS84223	Cải cách trong lịch sử	3		2	LT									3	
39.	HIS84233	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3		2	LT	HIS04264								3	
40.	HIS84242	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	2		2	LT	HIS04214								2	
	Nhóm 3: Các học phần liên thông thạc sĩ Địa lý															
41.	GEO84312	Những vấn đề kinh tế học trong địa lý	2			LT	GEO04143								2	
42.	GEO84322	PPNC khoa học giáo dục trong địa lý	2			LT									2	
43.	GEO84333	Bản đồ chuyên đề	3			LT	GEO73152								3	
44.	GEO84343	Cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	3			LT	GEO04132								2	
	Khoá luận/Học phần thay thế khoá luận		5													
45.	GEO84413	Địa lý biển Đông	3		2	LT	GEO04154									3
46.	HIS84423	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	3		2	LT										3
47.	HGE84432	Sử dụng phương tiện DH môn Lịch sử - Địa lý THCS	2	1		LT										2
C	Chuyên sâu tự chọn không bắt buộc															
	Nhóm 1: Các chuyên đề về lịch sử - du lịch															
48.	HIS84513	Văn hóa du lịch	3		3	LT										
49.	HIS84522	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	2		3	LT										
50.	HIS84533	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	3		3	LT										
51.	HIS84542	Các cuộc phát kiến địa lý	2		3	LT										
	Nhóm 2: Các chuyên đề liên thông thạc sĩ lịch sử															
52.	HIS84613	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	3		3	LT										

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
53.	HIS84622	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	2		3	LT										
54.	HIS84633	Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay	3		3	LT										
55.	HIS84642	Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	2		3	LT										
	Nhóm 3: Các chuyên đề về địa lý - du lịch và liên thông thạc sĩ địa lý															
56.	GEO84713	Môi trường không khí và khí hậu	3		3	LT	GEO04122									
57.	GEO84722	Bản đồ du lịch	2		3	LT	GEO73152									
58.	GEO84732	Hệ thống thông tin Địa lý (cơ sở thạc sĩ)	2		3	LT										
59.	GEO84743	Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng (cơ sở thạc sĩ)	3		3	LT	GEO73143									
IV	Mô-đun nghiệp vụ ngành		23													
	a. Bắt buộc															
60.	TL001022	Tâm lý học nghề nghiệp	2	1		LT					2					
61.	HGE92212	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	1		TH					2					
62.	HGE92152	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	1		TH						2				
63.	HGE92192	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2	1		LT							2			
64.	HGE94012	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	2	1		LT								2		
65.	TL001032	Giáo dục học 1	2	1		LT					2					
66.	TL001042	Giáo dục học 2	2	1		LT						2				
67.	HGE72153	Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý	3	1		LT							3			
68.	HGE72164	Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý	4(*)	1		LT								4		
	b. Tự chọn không bắt buộc															
69.	HGE91702	Kỹ năng khởi nghiệp và sáng tạo	2			LT										

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
70.	PHI03452	Tiếng Việt thực hành	2			LT										
71.	POL03222	Đạo đức nghề sư phạm	2			LT										
V	Thực hành nghề nghiệp		7	1												
72.	HGE72172	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2			TH									2	
73.	HUC92252	Thực tập sư phạm 1	2	1		TH										
74.	HUC92285	Thực tập sư phạm 2	5	1		TH										5
Tổng số tín chỉ toàn khóa			132						18	20	20	17	18	14	15	10

10. Ma trận mô tả quan hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với học phần

0: Không đóng góp; 1: Đóng góp mức thấp; 2: Đóng góp mức trung bình; 3: Đóng góp mức cao

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
1.	Triết học Mác-Lê nin	3	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	0	0	0	0	0
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	3	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	0	0	0	3	3
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	0	0	0	0	0
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1	2	1	3	2	0	1	3	0	3	0	1	1	1	2
6.	Tin học đại cương	1	0	0	0	0	0	2	0	2	2	2	0	1	0	0	0
7.	Phương pháp NCKH	1	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	0	0	0	0
8.	Tâm lý học	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	2
9.	Pháp luật đại cương	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2
10.	Ngoại ngữ																
11.	Giáo dục thể chất																

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
12.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh																
13.	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	2	1	1	3	1	1	1	1	1	1	3	0	1	1
14.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
15.	Địa lý tài nguyên và môi trường	0	0	2	2	0	0	0	0	3	0	2	0	0	0	0	0
16.	Bản đồ học	0	2	0	2	1	1	0	1	0	0	1	1	1	1	1	0
17.	Địa lý tự nhiên đại cương 1	0	2	2	2	2	0	0	0	2	0	2	0	0	0	2	0
18.	Địa lý tự nhiên đại cương 2	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	3	2	0	0	0	0
19.	Địa lý tự nhiên đại cương 3	2	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2	2
20.	Những vấn đề địa lý kinh tế-xã hội đại cương	0	2	2	2	3	0	0	2	2	3	2	2	2	0	2	0
21.	Địa lý các châu	0	0	0	2	0	2	0	0	3	0	3	0	0	0	0	0
22.	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	2	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2	2
23.	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2	2
24.	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	0	0	2	2	2	2	0	0	3	2	2	2	0	0	0	0
25.	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2	2	2	1	2	0	0	0	0	3	0	2	2	0	0	0	1
26.	Lịch sử thế giới cổ trung đại	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	0
27.	Lịch sử thế giới cận đại	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0
28.	Lịch sử thế giới hiện đại	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	0
29.	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
30.	Lịch sử Việt Nam cận đại	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
31.	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3	2	2	2	2	2	2	0	3	2	2	2	1	1	1	0
32.	Nhân học	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
33.	Địa lý đô thị	0	0	0	0	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	0
34.	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	2	2	0	0	0	0
35.	Giáo dục địa phương	3	3	1	2	2	2	2	0	2	2	2	3	3	2	2	1
36.	Thực tế lịch sử - địa lý	3	3	3	3	2	2	3	2	2	3	3	3	3	2	2	2
37.	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	2	2	3	3	3	2	3	1	1	2	1	3	1	3	2	2
38.	Cải cách trong lịch sử	1	1	2	2	2	3	1	1	3	1	3	2	2	1	1	1
39.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	2	2	2	2	2	2	0	3	2	2	2	1	1	1	0
40.	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0
41.	Những vấn đề kinh tế học trong địa lý	1	1	2	2	2	3	1	1	3	1	3	2	2	1	1	1
42.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lý	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
43.	Bản đồ chuyên đề	3	3	2	2	2	2	2	0	2	2	2	3	3	2	2	3
44.	Cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	1	1	1	0	1	1	1	1	3	1	3	3	1	0	0	1
45.	Địa lý biển Đông	0	1	1	1	1	1	0	1	3	0	2	0	1	1	1	0
46.	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
47.	Sử dụng phương tiện DH môn Lịch sử - Địa lý THCS																
48.	Văn hóa du lịch	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
49.	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
50.	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
51.	Các cuộc phát kiến địa lý	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
52.	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
53.	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
54.	Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay	1	1	1	0	1	1	1	1	3	1	3	3	1	0	0	1
55.	Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	1
56.	Môi trường không khí và khí hậu	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	2	1	0	0	0	0
57.	Bản đồ du lịch	0	1	1	1	1	1	0	1	3	0	2	1	1	1	1	0
58.	Hệ thống thông tin Địa lý (cơ sở thực tiễn)	0	0	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	2	2	0
59.	Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng (cơ sở thực tiễn)	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	2	2	0	0	0	0
60.	Tâm lý học nghề nghiệp																
61.	Rèn luyện nghiệp vụ	3	3	3	3	0	0	2	0	0	0	0	0	3	0	3	0
62.	Hoạt động trải nghiệm, hướng	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	3	0	0	0	0	0

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
	ngiệp																
63.	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	1	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
64.	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	3	3	2	2	2	2	2	0	0	0	3	0	0	0	0	0
65.	Giáo dục học 1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2	2	2	2	2	2
66.	Giáo dục học 2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	3	3	0	0	0
67.	Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý	3	3	0	2	2	3	0	0	1	0	0	0	2	0	3	0
68.	Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý	3	3	2	2	2	2	2	0	2	2	2	3	3	2	2	3
69.	Kỹ năng khởi nghiệp và sáng tạo																
70.	Tiếng Việt thực hành																
71.	Đạo đức nghề sư phạm																
72.	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2	2	3	3	3	2	3	1	1	2	1	3	1	3	2	2
73.	Thực tập sư phạm 1	2	3	2	3	3	3	2	1	2	3	3	1	3	1	2	1
74.	Thực tập sư phạm 2	2	3	2	3	3	3	2	1	2	3	3	1	3	1	2	1

11. Điều kiện thực hiện chương trình

11.1. Tài liệu học tập

- [1]. Nguyễn Văn Âu (2000), *Địa lý tự nhiên Biển Đông*, NXB ĐHSF Hà Nội, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Văn Bắc (2013), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [3]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông*: Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lý* (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội.
<https://data.moet.gov.vn/index.php/s/dqHM63jZJSkcVp6#pdfviewer>
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS*, Hà Nội.
- [6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, NXB Đại học Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học, không chuyên Lý luận chính trị)*, Tài liệu phục vụ giảng dạy thí điểm, Hà Nội.
- [8]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị)*, Hà Nội.
- [9]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Đại học Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Modun 2 – Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT môn Địa lí*, Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [12]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Mô đun 3 Kiểm tra, đánh giá học sinh THPT theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực môn Địa lí*. Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán.
- [13]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2020), *Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT môn Địa lí*. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên. Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [14]. Chính phủ (2012), *Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*, Quyết định số: 432/QĐ-TTg.
- [15]. Hoàng Xuân Cơ và Phạm Ngọc Hồ (2004), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [16]. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc (2004), *Lý luận dạy học Địa lí*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [17]. Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- [18]. Nguyễn Đăng Độ, Nguyễn Thám (2014), *Giáo trình Địa lý tự nhiên đại cương I*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [19]. Hà Việt Hải, Nguyễn Thế Dũng, Võ Hồ Thu Sang, Nguyễn Thị Lan Anh (2015), *Giáo trình Tin học*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [20]. Trần Văn Hiếu, (2013), *Đánh giá trong giáo dục*, NXB ĐH Huế, Huế.
- [21]. Lê Trung Hoa (2010), *Địa danh Việt Nam*, NXB Dân trí, Hà Nội.
- [22]. Phạm Viết Hồng (2012), *Địa lý kinh tế - xã hội các nước*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [23]. Lê Huỳnh (2012), *Bản đồ học*, (Trung tâm Đào tạo Từ xa, Đại học Huế), NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [24]. Lê Huỳnh và nnk (2001), *Bản đồ học chuyên đề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [25]. Phan Khánh (2004), Phùng Ngọc Đình, Hoàng Ngọc Oanh (2004), *Giáo trình Thực địa địa lý tự nhiên*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [26]. Lê Văn Khoa (Chủ biên) (2010), *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [27]. Lê Văn Khoa (chủ biên) và NNK (2003), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
- [28]. Vũ Tự Lập (2007), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [29]. Lê Phúc Chi Lãng, Trần Thị Tuyết Mai (2018), *Giáo trình Địa lý tự nhiên các châu 1*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [30]. Lê Phúc Chi Lãng (Cb), Trần Thị Tuyết Mai (2018), *Bài giảng Địa lý tự nhiên các châu 2, (Lưu hành nội bộ)* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Huế.
- [31]. Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng (2014), *Biến đổi khí hậu*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [32]. Nguyễn Ngọc Minh (2014), *Giáo trình Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên môn địa lí*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [33]. Lê Năm (2013), *Giáo trình Đại lý Tự nhiên đại cương 3*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [34]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2016), *Giáo trình Giáo dục học (tập 1 và 2)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [35]. Nguyễn Tiến Phùng, Trần Thị Thanh Huyền (2000), *SEP for Geography students*, Đại học Quy Nhơn, Quy Nhơn.
- [36]. Nguyễn Đức Sơn- Lê Minh Nguyệt- Nguyễn Thị Huệ- Đỗ Hạnh Phúc- Trần Quốc Thành- Trần Lê Thu (2015), *Tâm lý học giáo dục*, NXBGiáo dục, Hà Nội.
- [37]. Nguyễn Hoàng Sơn (2013), *Địa lý tự nhiên đại cương II*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [38]. Nguyễn Hoàng Sơn (2018), *Bài giảng Cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế (Tài liệu lưu hành nội bộ).
- [39]. Nguyễn Hoàng Sơn (2020), *Bài giảng Môi trường không khí và khí hậu*, (Lưu hành nội bộ), Trường Đại học Sư phạm, Huế.
- [40]. Nguyễn Thám (2011), *Giáo trình Địa chất đại cương*, NXB Đại học Huế, Huế.

- [41]. Phạm Trung Thanh (chủ biên) (2005), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, NXB Đại học Sư phạm, Huế.
- [42]. Ông Thị Đan Thanh (2011), *Địa lý kinh tế - xã hội thế giới*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [43]. Nguyễn Thế Thận (2013), *Cơ sở hệ thống thông tin địa lý GIS*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [44]. Lê Thông (Chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ, Lê Mỹ Dung (2013), *Địa lý Kinh tế - xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [45]. Lê Thông (chủ biên) – Nguyễn Đức Vũ – Bùi Thị Nhiệm – Lê Mỹ Dung (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [46]. Lê Công Triêm, Nguyễn Đức Vũ (2005), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [47]. Nguyễn Văn Trình (1998), *Kinh tế đại cương (Những vấn đề cơ bản của kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô)*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [48]. Trần Thị Cẩm Tú (2012), *Địa lý đô thị*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [49]. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên) (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [50]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (2012), *Địa lí kinh tế - xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [51]. Trường Đại học Sư phạm (2017), *Quy định về Thực tập sư phạm, ban hành theo Quyết định số 2628/QĐ-ĐHSP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*.
- [52]. Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Ngọc Minh (2011), *Giáo trình phương pháp dạy học địa lí trung học phổ thông*, NXB Đại học Huế.
- [53]. Nguyễn Đức Vũ (2013), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong Địa lí*, NXB Đại học Huế.
- [54]. Nguyễn Đức Vũ (2006), *Phương tiện dạy học địa lí ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.
- [55]. Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [56]. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [57]. Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* (Giáo trình dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [58]. Phạm Phúc Vĩnh (2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử*, Nxb ĐHQG Tp Hồ Chí Minh, HCM.
- [59]. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (1998), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội.
- [60]. Lê Phụng Hoàng (chủ biên) (2000), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội.

- [61]. Các tác giả (1995), *Almanach những nền văn minh thế giới*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [62]. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh...(2002), *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [63]. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [64]. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Huy Quý (2001), *Lịch sử Trung Quốc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [65]. Hoàng Thị Minh Hoa (chủ biên), Trần Thị Vinh, Lê Thành Nam (2012), *Giáo trình Lịch sử thế giới cận đại*, Đại học Sư phạm Huế.
- [66]. Lê Văn Anh, Hoàng Thị Minh Hoa (Đồng Chủ biên) (2016), Bùi Thị Thảo, Nguyễn Tuấn Bình, *Quan hệ quốc tế thời hiện đại*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [67]. Lê Văn Anh (chủ biên), Bùi Thị Thảo (2017), *Một số vấn đề về Chủ nghĩa xã hội hiện thực*, Nxb ĐH Huế, Huế.
- [68]. Hoàng Thị Minh Hoa (2000), *Cải cách dân chủ Nhật Bản (1945-1951)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [69]. Lê Cung (chủ biên) (1997), *Giáo trình Lịch sử thế giới cận đại 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [70]. Lê Cung (Chủ biên), Nguyễn Văn Hoa, Hoàng Chí Hiếu (2013), *Giáo trình lịch sử Việt Nam hiện đại 1954-2010*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [71]. Trần Thị Vinh, Đinh Thị Dung (2003), (2007), *Bài giảng Lịch sử thế giới cận đại*, tập 1, tập 2, ĐH Sư phạm Huế.
- [72]. Trần Thị Vinh (CB), Lê Văn Anh (2008), *Giáo trình Lịch sử thế giới hiện đại*, Quyển 2, Nxb. ĐH Sư phạm Hà Nội.
- [73]. Hoàng Xuân Chinh (chủ biên) (1989), *Văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [74]. Vũ Quý (1991), *Văn hóa Sa Huỳnh*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [75]. Hà Văn Tấn (chủ biên) (1994), *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [76]. Đặng Văn Chương (chủ biên), Nguyễn Thị Ty, Trần Đình Hùng (2014), *Lịch sử thế giới cổ trung đại*, NXB Đại học Huế
- [77]. Đặng Văn Chương (CB), Trần Đình Hùng, Trần Thị Quế Châu, Lê Thị Quí Đức (2017), *Chính sách “đóng cửa” và “mở cửa” của một số quốc gia Đông Nam Á từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [78]. Chiêm Tế (2000), *Lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1 và tập 2, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [79]. Lương Ninh (chủ biên) (2001), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [80]. Lương Ninh (chủ biên) (2001), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [81]. Nguyễn Thanh Nhã (2015), *Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII – XVIII*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [83]. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

- [84]. Lê Văn Anh (chủ biên) (2013), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb ĐH Huế, Huế.
- [85]. Lê Văn Quang (2001), *Lịch sử quan hệ quốc tế (1917-1945)*, NXBGiáo dục, Hà Nội.
- [86]. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [87]. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh...(2002), *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [88]. M. Beau (2002), *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000* (Huyền Giang dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [89]. Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp (ĐồngCB) (2018), *Thuật ngữ Quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. HN.
- [90]. Phạm Quang Minh (Đồng CB)(2014), *Giáo trình Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương*, Nxb Đại học Quốc gia, HN.
- [91]. Huỳnh Công Bá (2012), *Giáo trình lịch sử Việt Nam cổ trung đại*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [92]. Đào Duy Anh (1997), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [93]. Nguyễn Văn Kim (2011), *Việt Nam trong thế giới Đông Á một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [94]. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2000), *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [95]. Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII – XIX*, Hội Sử học Việt Nam, Hà Nội.
- [96]. Nguyễn Quang Ngọc (2018), *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa, Tư liệu và sự thật lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [97]. Nhiều tác giả (1981), *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [98]. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên) (1998), *Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập I*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [99]. Trương Hữu Quýnh (1982), *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI – XVIII*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [100]. Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền, công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*, Hội Sử học Việt Nam, Hà Nội.
- [101]. Ban Biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam (2008), *Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945-2005)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [102]. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2019), *Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 10, 11, 12, 13, 14*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
- [103]. Viện Sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam, tập X, XI, XII, XIII, XIV, XV*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [104]. Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế - văn hóa – xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [105]. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [106]. Bùi Xuân Đính (2005), *Nhà nước và pháp luật thời phong kiến Việt Nam những suy ngẫm*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
- [107]. Vũ Ngọc Khánh (2018), *Văn hóa làng ở Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [108]. Hoàng Minh Thảo (2004), *Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [109]. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [110]. Nhiều tác giả (2005), *Cách mạng tháng Tám trong tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [111]. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2019), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, 14 tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [112]. W. Durant (2002), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, NXB Tổng hợp Tp.HCM.
- [113]. W. Durrant (2002), *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [114]. Andrew Nahm (2006), *Lịch sử - văn hóa bán đảo Triều Tiên*, NXB Thế giới.
- [115]. Nguyễn Tấn Đắc (2005), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [116]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1997), *Lược sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [117]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1995), *Lịch sử Nhật Bản*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [118]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), *Phương pháp dạy học lịch sử*, Tập 1, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
- [119]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), *Phương pháp dạy học lịch sử*, Tập 2, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
- [120]. Phạm Đức Thành (Chủ biên, 1998), *Việt Nam- ASEAN: Cơ hội và thách thức*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [121]. Phan Huy Xu, Mai Phú Thanh (1999), *Địa lý Đông Nam Á (Những vấn đề kinh tế - xã hội)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
- [122]. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2018), *Lý luận DH hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và PPDH*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [123]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.
- [124]. Nguyễn Lương Bích (2000), *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, tái bản lần thứ nhất, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [125]. Nguyễn Thế Long (2005), *Bang giao Đại Việt*, tập 1, 2, 3, 4, 5, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [126]. Lưu Văn Lợi (1998), *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam*, 2 tập, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
- [127]. Nguyễn Đình Bin (CB) (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [128]. Nguyễn Trường Tân (2011), *Tìm hiểu văn hóa Nhật Bản*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [129]. Nguyễn Nghi, Lê Minh Đức (1994), *Lịch sử nước Mỹ*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [130]. Lê Thành Nam, *Chính sách của Mỹ đối với các nước châu Âu trong việc mở rộng lãnh thổ thời cận đại*, Nxb Đại học Huế, Huế.
- [131]. Irwin Unger (2005), *Lịch sử Hoa Kỳ - những vấn đề quá khứ* (Người dịch: Nguyễn Kim Dân dịch), Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [132]. Nguyễn Thanh Minh (2018), *Chính sách biển của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế lý luận và thực tiễn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [133]. Nguyễn Trung Chiến (2015), *Tiếp cận văn hóa biển tiền sử Việt Nam qua các bài nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [134]. Vũ Tự Lập (2007), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [135]. Hãn Nguyên Nguyễn Nhã (2013), *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, NXB Giáo dục Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
- [136]. Nhiều tác giả (2011), *Bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- [137]. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2018), *Lý luận DH hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và PPDH*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [138]. Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên) (2017), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật DH*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [139]. Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga (chủ biên) (2015), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [140]. Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, NXB Văn hóa - Thông tin.
- [141]. Nguyễn Minh Tường (2015), *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [142]. Viện Sử học (2007), *Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [143]. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2012), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [144]. Nguyễn Văn Kim, (2003), *Nhật Bản với châu Á – Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [145]. Vĩnh Sinh (2014), *Nhật Bản cận đại*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [146]. Dương Phú Hiệp (CB), 1996. *Con đường phát triển của một số nước châu Á – Thái Bình Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN.
- [147]. Lê Hữu Tầng, Lưu Hàm Nhạc (Đồng CB)(2002). *Nghiên cứu so sánh đổi mới kinh tế ở Việt Nam và cải cách kinh tế ở Trung Quốc*. Nxb. Chính trị Quốc gia, HN.
- [148]. Nguyễn Minh Hằng (1995), *Cải cách kinh tế ở CHND Trung Quốc - Lựa chọn mới cho sự phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[149]. Nguyễn Phúc Chính (Chủ biên), Nguyễn Như Át(2014). *Giáo trình phát triển chương trình, sách giáo khoa sinh học phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[150]. Đặng Văn Hồ, Trần Thị Hải Lê(2019). *Giáo trình Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông*, NXB ĐH Huế, Huế.

11.2. Đội ngũ giảng viên

- **Tổng số giảng viên cơ hữu 29 tham gia thực hiện chương trình đào tạo:**

+ Tổng số thạc sĩ cùng ngành, ngành gần: 07

+ Tổng số tiến sĩ cùng ngành, ngành gần: 22

11.3. Cơ sở vật chất

Trường có hệ thống phòng học và phòng thực hành đảm bảo thực hiện các nội dung trong chương trình đào tạo của ngành...

- Phòng học, giảng đường, hội trường: 95 phòng với diện tích 8.437 m²

- Phòng thực hành máy tính: 13 phòng với trên 800 máy

- Thiết bị phục vụ đào tạo đầy đủ.

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
1.	Triết học Mác-Lê nin	3	Khoa GDCT, ĐHSP			x		
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2	Khoa GDCT, ĐHSP			x		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa GDCT, ĐHSP			x		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa GDCT, ĐHSP			x		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa GDCT, ĐHSP			X		
6.	Tin học đại cương	2	Khoa Tin học, ĐHSP			X		
7.	Phương pháp NCKH	2	PGS.TS. Lê Văn Anh	Lịch sử thế giới	X			
			PGS.TS. Lê Thành Nam	Lịch sử thế giới	X			
			TS. Nguyễn Đăng Độ	Địa lý TN và MT	X			
8.	Tâm lý học	2	Khoa TL&GD, ĐHSP			X		
9.	Pháp luật đại cương	2	Cao Thị Hoài Thu	Pháp luật học		X		
10.	Ngoại ngữ	7	Tr. ĐHNN, ĐH Huế				X	
11.	Giáo dục thể chất	4	Khoa GDTC, ĐH Huế				X	
12.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	165	TT GDQP, ĐH Huế				X	
13.	Lịch sử văn minh thế giới	3	TS. Nguyễn Tuấn Bình	Lịch sử thế giới	X			
			ThS. Nguyễn Thị Ty	Lịch sử thế giới	X			
14.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	TS. Đỗ Mạnh Hùng	Lịch sử Việt Nam		X		
			PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam	X			
15.	Địa lý tài nguyên và môi trường	3	TS. Lê Phúc Chi Lăng	Địa lý TN và MT		X		
			PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn	Địa lý TN và MT			X	
16.	Bản đồ học	2	ThS. Nguyễn Trọng Quân	Địa lí KT - XH và bản đồ		X		
			TS. Lê Văn Tin	Địa lí KT - XH và bản đồ		X		
17.	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	TS. Nguyễn Đăng Độ	ĐLTN		X		

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn	ĐLTN và MT			X	
18.	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn TS. Nguyễn Đăng Độ	ĐLTN và MT ĐLTN		X	X	
19.	Địa lý tự nhiên đại cương 3	2	TS. Lê Năm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn	ĐLTN ĐLTN và MT		X	X	
20.	Những vấn đề địa lý kinh tế xã hội đại cương	3	TS. Lê Văn Tin TS. Nguyễn Ngọc Đan	ĐLKT ĐLKT		X X		
21.	Địa lý các châu	4	TS. Lê Phúc Chi Lăng ThS. Trần Thị Cẩm Tú	ĐLTN và MT ĐLKT		X X		
22.	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	3	TS. Lê Phúc Chi Lăng TS. Lê Năm	ĐLTN và MT ĐLTN		X X		
23.	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	3	TS. Lê Phúc Chi Lăng TS. Lê Năm	ĐLTN và MT ĐLTN		X X		
24.	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	3	ThS. Trần Thị Cẩm Tú TS. Nguyễn Ngọc Đan	ĐLKT ĐLKT		X X		
25.	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2	3	ThS. Trần Thị Cẩm Tú TS. Nguyễn Ngọc Đan	ĐLKT ĐLKT		X X		
26.	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	PGS.TS. Đặng Văn Chương Th.S Nguyễn Thị Ty TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
27.	Lịch sử thế giới cận đại	4	TS. Lê Thị Quý Đức PGS. TS. Lê Thành Nam TS. Nguyễn Tuấn Bình	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
28.	Lịch sử thế giới hiện đại	4	PGS.TS. Lê Văn Anh PGS.TS. Bùi Thị Thảo	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
29.	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	Th.S Lê Thị Hoài Thanh PGS.TS Trương Công Huỳnh Kỳ	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
30.	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng TS. Đỗ Mạnh Hùng	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X		X	
31.	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu TS. Nguyễn Văn Hoa	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
32.	Nhân học	2	TS. Trần Thị Quế Châu Th.S Nguyễn Thị Ty	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
33.	Địa lý đô thị	2	ThS. Trần Thị Cẩm Tú ThS. Nguyễn Trọng Quân	ĐLKT ĐLKT		X X		
34.	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	3	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn TS. Lê Phúc Chi Lăng	ĐLTN và MT ĐLTN và MT		X	X	
35.	Giáo dục địa phương	3	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X	X		
36.	Thực tế lịch sử - địa lý	2	Khoa Lịch sử, ĐHSP Khoa Địa lý, ĐHSP					
37.	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	2	TS. Nguyễn Đức Cường Th.s Trần Thị Hải Lê	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X			
38.	Cải cách trong lịch sử	3	PGS.TS. Lê Thành Nam TS. Lê Thị Quý Đức	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam	X			
39.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu ThS. Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
40.	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	2	PGS.TS. Đặng Văn Chương Th.S Nguyễn Thị Ty TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
41.	Những vấn đề kinh tế học trong địa lý	2	TS. Nguyễn Ngọc Đàn ThS. Lê Anh Toại	ĐLKT ĐLKT		X X		
42.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lý	2	PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL		X X		
43.	Bản đồ chuyên đề	3	TS. Lê Văn Tin ThS. Mai Văn Chân	ĐLKT ĐLKT		X X		
44.	Cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	3	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn TS. Lê Phúc Chi Lăng	ĐLTN và MT ĐLTN và MT		X	X	
45.	Địa lý biển Đông	3	TS. Lê Năm TS. Nguyễn Đăng Độ	ĐLTN ĐLTN		X X		
46.	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	3	PGS.TS Hoàng Chí Hiếu Th.S Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
47.	Sử dụng phương tiện DH môn Lịch sử - Địa lý THCS	2	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cương PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL		X X X X		
48.	Văn hóa du lịch	3	TS. Đỗ Mạnh Hùng	Lịch sử Việt Nam			X	

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam	X			
49.	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	2	PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ	Lịch sử Việt Nam	X			
			PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam	X			
50.	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	3	PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam	X			
			TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử thế giới	X			
51.	Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam	2	PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu	Lịch sử Việt Nam	X			
			ThS. Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam	X			
52.	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	3	TS. Đỗ Mạnh Hùng	Lịch sử Việt Nam			X	
			ThS. Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam	X			
53.	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	2	PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam	X			
			TS. Nguyễn Văn Hoa	Lịch sử Việt Nam	X			
54.	Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay	3	TS. Nguyễn Tuấn Bình	Lịch sử thế giới	X			
			PGS.TS. Bùi Thị Thảo	Lịch sử thế giới	X			
55.	Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	2	PGS. TS. Bùi Thị Thảo	Lịch sử thế giới	X			
			PGS.TS. Lê Văn Anh	Lịch sử thế giới	X			
56.	Môi trường không khí và khí hậu	3	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn	ĐLTN và MT			X	
			TS. Lê Phúc Chi Lăng	ĐLTN và MT		X		
57.	Bản đồ du lịch	2	TS. Lê Văn Tin	ĐLKT		X		
			ThS. Mai Văn Chân	ĐLKT		X		
58.	Hệ thống thông tin Địa lý (cơ sở thạc sĩ)	2	TS. Lê Văn Tin	ĐLKT		X		
			ThS. Nguyễn Trọng Quân	ĐLKT		X		
59.	Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng (cơ sở thạc sĩ)	3	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn	ĐLTN và MT			X	

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			TS. Lê Phúc Chi Lăng	ĐLTN và MT		X		
60.	Tâm lý học nghề nghiệp	2	Khoa TL&GD, Tr. ĐHSP			x		
61.	Rèn luyện nghiệp vụ	2	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL	X X X X	 X 		
62.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	TS. GVC. Nguyễn Thị Ngọc Bé TS.GVC. Nguyễn Tuấn Vĩnh ThS. Mai Thị Thanh Thủy			X X X		
63.	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2	TS. Nguyễn Đức Cường Th.s Trần Thị Hải Lê PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL	X X X X	 X 		
64.	Phát triển chương trình dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý	2	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL	X X X X	 X 		
65.	Giáo dục học 1	2	Khoa TL&GD, Tr. ĐHSP			x		
66.	Giáo dục học 2	2	Khoa TL&GD, Tr. ĐHSP			x		
67.	Lý luận dạy học Lịch sử - Địa lý	3	PGS.TS Nguyễn Thành Nhân Th.s Trần Thị Hải Lê	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X	X 		

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL	X X X			
68.	Phương pháp dạy học Lịch sử - Địa lý	4	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL	X X X X	X		
69.	Kỹ năng khởi nghiệp và sáng tạo	2	Khoa Tâm lý giáo dục			X		
70.	Tiếng Việt thực hành	2	Khoa Ngữ văn			X		
71.	Đạo đức nghề sư phạm	2	Khoa Giáo dục Chính trị			X		
72.	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL LL và PPDH bộ môn ĐL	X X X X	X		
73.	Thực tập sư phạm 1	2	Trường ĐHSP, ĐH Huế					
74.	Thực tập sư phạm 2	5	Trường ĐHSP, ĐH Huế					

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Mô-đun cơ sở chung học trước, mô-đun cơ sở khối ngành học sau. Tuy nhiên, một số học phần của mô-đun chuyên môn của ngành có thể bố trí ngay trong các học kỳ đầu vì các học phần này tương đối đơn giản và có tác dụng tạo sự hứng thú nghề nghiệp cho sinh viên.

- Về học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Ngoại ngữ không chuyên: do Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng, Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Huế tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ.

- Những học phần có học phần tiên quyết chỉ được học sau những học phần tiên quyết của học phần đó.

- Khóa luận hoặc học phần tự chọn thay thế khóa luận: căn cứ vào quy định làm Khóa luận do Trường ban hành để xét cho sinh viên làm khóa luận. Những sinh viên còn lại đăng ký học các học phần thay thế để thay cho việc làm khóa luận.

- Các học phần được đánh giá trên cơ sở hoạt động trên lớp (tinh thần học tập, phát biểu trong các giờ thảo luận, chuẩn bị bài...) của sinh viên và kết quả các bài kiểm tra giữa kì, bài thi cuối kỳ (dưới hình thức trắc nghiệm, viết luận, thi tự luận, làm bài tập/sản phẩm truyền thông theo nhóm...). Điểm số được chấm theo thang điểm 10, bộ phận đào tạo của Trường sẽ chuyển sang hệ điểm khác cho phù hợp với quy chế đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2021
TRƯỞNG KHOA